

Số: 1043 /BHXH-GĐBHYT

Kiên Giang, ngày 02 tháng 7 năm 2024

V/v cập nhật danh mục vật tư y tế  
trúng thầu trên Hệ thống thông tin

giám định BHYT

Số: 976

Ngày: 2/7

Kính gửi: Các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh  
(theo Danh sách đính kèm).

Ngày 21/6/2024, Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh nhận được Công văn số 1999/SYT-KHTC của Sở Y tế về việc hỗ trợ cập nhật danh mục vật tư y tế (VTYT) trúng thầu trên Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) và đính kèm các Quyết định: Quyết định số 1567/QĐ-SYT ngày 06/6/2024 (đợt 1) và Quyết định số 1577/QĐ-SYT ngày 10/6/2024 (đợt 2) của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 01: Mua sắm tập trung VTYT kỹ thuật cao cho các cơ sở y tế (CSYT) trong tỉnh giai đoạn 2023-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung VTYT cho các CSYT trong tỉnh giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 1568/QĐ-SYT ngày 06/6/2024 (đợt 1) và Quyết định số 1578/QĐ-SYT ngày 10/6/2024 (đợt 2) của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói số 2: Mua sắm tập trung VTYT thông thường cho các CSYT trong tỉnh giai đoạn 2023-2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung VTYT cho các CSYT trong tỉnh.

Ngày 25/6/2024, BHXH tỉnh có Công văn số 1006/BHXH-GĐBHYT gửi Sở Y tế về việc cập nhật danh mục VTYT trúng thầu trên Hệ thống thông tin giám định BHYT.

Đồng thời, để đối chiếu và kịp thời cập nhật danh mục VTYT trúng thầu trên Hệ thống thông tin giám định BHYT theo đúng quy định tại Quyết định 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2023 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành quy trình giám định BHYT của từng cơ sở KCB BHYT. BHXH tỉnh đề nghị các cơ sở KCB BHYT cung cấp hồ sơ, dữ liệu đến cơ quan BHXH trực tiếp ký Hợp đồng KCB BHYT như sau:

1. Định dạng dữ liệu danh mục theo Bảng 4 Mẫu số 01/QTGD ban hành kèm theo Quyết định 3618/QĐ-BHXH.

2. Danh mục VTYT trong phạm vi thanh toán BHYT được lập theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT.

BHXH huyện, thành phố rà soát và báo cáo kết quả và gửi dữ liệu của cơ sở trực tiếp ký Hợp đồng KCB BHYT về BHXH tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị liên hệ về BHXH tỉnh (qua Phòng Giám định BHYT, điện thoại: 02973.811.182, hoặc ông Nguyễn Phúc Lợi - Chuyên viên phòng Giám định BHYT, điện thoại: 0949.183.483) để được hướng dẫn kịp thời.

(Đính kèm Danh sách cơ quan BHXH ký Hợp đồng KCB BHYT và cơ sở KCB BHYT; Bảng 4 Mẫu số 01/QTGD ban hành kèm theo Quyết định 3618/QĐ-BHXH; Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Y tế (để phối hợp chi đạo);
- Ban Giám đốc BHXH tỉnh (để b/c);
- BHXH huyện, TP;
- Lưu: VT, GĐBHYT.



**Nguyễn Công Chánh**

**DANH SÁCH**  
**CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI KÝ HỢP ĐỒNG KHÁM, CHỮA BỆNH**  
**BẢO HIỂM Y TẾ VÀ CƠ SỞ KHÁM, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**

(Kèm theo Công văn số: 1043 /BHXH-GĐBHYYT

ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang)

STT	Cơ quan BHXH ký Hợp đồng KCB BHYT	Địa chỉ Mail cơ quan BHXH	Tên cơ sở KCB BHYT
1	BHXH tỉnh Kiên Giang	gdbhyt@kiengiang.vss.gov.vn	BVĐK tỉnh Kiên Giang
	BHXH tỉnh Kiên Giang		Bệnh viện Tâm Thần tỉnh Kiên Giang
	BHXH tỉnh Kiên Giang		Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang
	BHXH tỉnh Kiên Giang		Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang
	BHXH tỉnh Kiên Giang		TTYT thành phố Rạch Giá
	BHXH tỉnh Kiên Giang		Bệnh viện Lao và bệnh Phổi
	BHXH tỉnh Kiên Giang		BV Y dược cổ truyền KG
	BHXH tỉnh Kiên Giang		BVĐK tư nhân Bình An
2	BHXH thành phố Hà Tiên	hatien@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT thành phố Hà Tiên
3	BHXH huyện Hòn Đất	hondat@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Hòn Đất
4	BHXH huyện Tân Hiệp	tanhiiep@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Tân Hiệp
5	BHXH huyện Châu Thành	chauthanh@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Châu Thành
6	BHXH huyện Giồng Riềng	giongrieng@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Giồng Riềng
7	BHXH huyện Gò Quao	goquao@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Gò Quao
8	BHXH huyện An Biên	anbien@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện An Biên
9	BHXH huyện An Minh	anminh@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện An Minh
10	BHXH huyện Vĩnh Thuận	vinhthuan@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Vĩnh Thuận
11	BHXH thành phố Phú Quốc	phuquoc@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT thành phố Phú Quốc
12	BHXH huyện Kiên Hải	kienhai@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Kiên Hải
13	BHXH huyện Kiên Lương	Kienluong@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Kiên Lương
14	BHXH huyện Giang Thành	giangthanh@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện Giang Thành
15	BHXH huyện U Minh Thượng	uminhthuong@kiengiang.vss.gov.vn	TTYT huyện U Minh Thượng

*Kien Giang*

**MẪU SỐ 01**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3618/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

**BẢNG 4: DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ**

TT	Chỉ tiêu	Kích thước tối đa	Hướng dẫn tại Quyết định 3618/QĐ-BHXH, Công văn 37/BHXH-GDDT ngày 06/01/2023	Hướng dẫn bổ sung tại Công văn 965/BHXH-GDDT ngày 07/4/2023
1	STT	10	Số thứ tự ghi từ 1 đến hết	
2	MA_VAT_TU	50	Mã VTYT theo quy định tại Quyết định số 5086/QĐ-BYT	Vật tư y tế đã thực hiện đấu thầu, mua sắm trước ngày 01/01/2022 và chưa được cấp mã theo Quyết định số 7603/QĐ- BYT và Quyết định số 2178/QĐ-BYT thì ghi MA_VAT_TU theo hướng dẫn tại Công văn số 4381/BHXH-CSYT ngày 30/12/2021 của BHXH Việt Nam
3	NHOM_VAT_TU	1024	Tên nhóm VTYT ghi theo cột tên nhóm, loại VTYT tại Phụ lục 01 của Thông tư 04/TT-BYT	
4	TEN_VAT_TU	1024	- Tên thương mại ghi theo kết quả trúng thầu - Đối với VTYT do cơ sở KCB tự sản xuất: ghi tên VTYT do cơ sở KCB đặt	
5	MA_HIEU	50	Mã hiệu ghi theo kết quả trúng thầu	
6	QUY_CACH	1024	Quy cách đóng gói ghi theo kết quả trúng thầu hoặc thông tin của VTYT tự sản xuất	
7	HANG_SX	1024	- Tên hãng sản xuất ghi theo kết quả trúng thầu - Đối với VTYT mua sắm theo "bộ" và không có giá riêng của từng bộ phận: ghi tên hãng đóng gói cuối cùng của "bộ".	
8	NUOC_SX	100	- Tên nước sản xuất ghi theo kết quả trúng - Đối với VTYT mua sắm theo "bộ" và không có giá riêng của từng bộ phận: ghi tên nước đóng gói cuối cùng của "bộ"	
9	DON_VI_TINH	50	Đơn vị tính ghi theo kết quả trúng thầu	
10	DON_GIA	10	Đơn giá theo kết quả trúng thầu	
11	DON_GIA_BH	10	Đơn giá thanh toán BHYT	
12	TYLE_TT_BH	3	Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với VTYT có quy định tỷ lệ (%), biểu thị bằng số nguyên dương. Ví dụ: tỷ lệ thanh toán của VTYT là 50% thì ghi là 50, VTYT không quy định tỷ lệ thanh toán thì ghi 100	
13	SO_LUONG	10	Số lượng ghi theo kết quả trúng thầu	
14	DINH_MUC	2	Ghi định mức sử dụng cho từng loại VTYT (nếu có). Ví dụ: quả lọc thận nhân tạo sử dụng 06 lần thì ghi là 6	

TT	Chỉ tiêu	Kích thước tối đa	Hướng dẫn tại Quyết định 3618/QĐ-BHXH, Công văn 37/BHXH-GDDT ngày 06/01/2023	Hướng dẫn bổ sung tại Công văn 965/BHXH-GDDT ngày 07/4/2023
15	NHA_THAU	1024	Tên nhà thầu ghi theo kết quả trúng thầu	
16	TT_THAU	50	- Ghi thông tin thầu của VTYT gồm: Số quyết định, gói thầu, nhóm thầu, năm công bố quyết định trúng thầu, mã đơn vị ban hành quyết định (đơn vị ban hành quyết định trúng thầu là TTMMSTT quốc gia ghi mã 00; trường hợp các tỉnh/tp đấu thầu tập trung thì ghi mã tỉnh/tp; trường hợp cơ sở KCB đấu thầu thì ghi mã cơ sở KCB). - Trường hợp VTYT tự sản xuất: số quyết định trúng thầu ghi số văn bản gửi cơ quan BHXH, năm ban hành quyết định ghi năm ban hành văn bản.	ghi theo hướng dẫn tại chỉ tiêu số 16 Bảng 3 ban hành kèm theo Quyết định số 130/QĐ-BYT
17	TU_NGAY	8	Ghi thời điểm có hiệu lực của quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày). Ví dụ ngày 01 tháng 1 năm 2021 ghi là 20210101	- VTYT mua sắm theo kết quả đấu thầu tập trung hoặc cơ sở KCB tự tổ chức đấu thầu có kết quả trúng thầu kể từ ngày 01/4/2023: TU_NGAY ghi ngày có hiệu lực, DEN_NGAY ghi ngày hết hiệu lực của hợp đồng cung ứng.
18	DEN_NGAY	8	Ghi thời điểm hết hiệu lực áp dụng của quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày). Ví dụ ngày 31 tháng 12 năm 2021 ghi là 20211231	- VTYT do cơ sở KCB tư nhân mua sắm theo kết quả đấu thầu của đơn vị khác quy định tại Điều 52 Luật Đấu thầu: TU_NGAY ghi ngày bắt đầu mua sắm, DEN_NGAY ghi ngày hết hiệu lực của quyết định lựa chọn nhà thầu.
19	MA_CSKCB	5	Ghi mã cơ sở KCB	
20	LOAI_THAU	1	Mã hóa loại thầu (1: thầu tập trung; 2: thầu riêng tại cơ sở KCB; 3: tự sản xuất; 4: mua sắm theo kết quả trúng thầu đơn vị khác)	
21	HT_THAU	1	Mã hóa hình thức đấu thầu (1: đấu thầu rộng rãi; 2: đấu thầu hạn chế; 3: chỉ định thầu; 4: chào hàng cạnh tranh; 5: mua sắm trực tiếp; 6: khác) - Đề trống nếu LOAI_THAU = 3 hoặc 4 - Ghi = 6 trong trường hợp mua sắm theo quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu	

Khai/Phu

## PHỤ LỤC 02

**BẢNG KÊ DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ CHỮA ĐƯỢC TÍNH CHI PHÍ VÀO GIÁ CỦA DỊCH VỤ KỸ THUẬT,  
KHÁM BỆNH, NGÀY GIỜ ĐỒNG ĐIỀU TRỊ HOẶC THU TRÒN GỎI THEO TRƯỜNG HỢP BỆNH SỬ DỤNG**

**TÀI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

BỘ Y TẾ/SỞ Y TẾ/  
TÊN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BẢNG KÊ DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ CHỮA ĐƯỢC TÍNH CHI PHÍ VÀO GIÁ CỦA DỊCH VỤ KỸ THUẬT,  
KHÁM BỆNH, NGÀY GIỜ ĐỒNG ĐIỀU TRỊ HOẶC THU TRÒN GỎI THEO TRƯỜNG HỢP BỆNH**

*(Áp dụng kể từ ngày.../.../...)*

STT (*)	Mã số tại DM ban hành kèm theo TT	Mã VTYT (**)	Tên VTYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trùng đầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
I. Vật tư y tế không quy định tỷ lệ, không quy định mức thanh toán, không tái sử dụng														
II. Vật tư y tế quy định mức thanh toán														

*Khai báo*

STT (*)	Mã số tại DM ban hành kèm theo TT	Mã VTYYT (**)	Tên VTYYT quy định tại Thông tư	Tên Thương mại	Mã hiệu sản phẩm (nếu có)	Quy cách	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá mua vào (đ)	Giá thanh toán BHYT (đ)	Tỷ lệ thanh toán	Số lượng tại kết quả trưng thầu cho cơ sở KCB	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
III. Vật tư y tế quy định tỷ lệ thanh toán														
IV. Vật tư y tế tái sử dụng														

Ghi chú:

(\*) Cột 1: Ghi số Quyết định và số thứ tự trong Quyết định phê duyệt kết quả trưng thầu, cách nhau dấu chấm. Ví dụ: 155.1 (Số QĐ 155, STT trong Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu là 1)

(\*\*) Cột 3: Ghi mã danh mục dùng chung; trường hợp chưa có mã Danh mục dùng chung ghi "Chưa có" /.

**Nơi nhận:**

- BHXH tỉnh/ huyện...;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, ....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)







PHIẾU GIẢI QUYẾT VĂN BẢN ĐẾN

Số: 1043/BHXH - GDĐHYT ngày, 02 tháng 7 năm 2024

1. Ý kiến của lãnh đạo cơ quan, tổ chức

- Giao đơn vị, cá nhân chủ trì; KD.ũũ
- Giao các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có);

- Thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng năm cho ý kiến phân phối, giải quyết



2. Ý kiến của lãnh đạo Khoa, Phòng

- Giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có);

- Ngày, tháng, năm cho ý kiến

3. Ý kiến đề xuất của người giải quyết.

- Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân;

- Ngày, tháng, năm đề xuất ý kiến